

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DS-PT

Ngày: 13-3-2018

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06, 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2017/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã AH, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm: 1950; Địa chỉ cư trú: Ấp TN, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018) (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Chị Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1990;

2.2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp TN, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Chị Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp TN, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017) (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Vào năm 2015 - 2016 chị L có tham gia 2 dây hội do chị Tr làm chủ hội, mỗi dây hội chị L tham gia 1 phần trong sổ hội ghi tên là “chị L1” (Anh L1 là chồng của chị L).

- Hội 1.000.000đ/tháng gồm 27 phần mở ngày 18/11/2015 (âm lịch), chị L đã đóng được 21 lần là 11.120.000đ.

- Hội 2.000.000đ/tháng gồm 18 phần mở ngày 15/11/2016 (âm lịch), chị L đã đóng được 09 lần là 10.740.000đ.

Sau đó, chị Tr tuyên bố vỡ hội nên chị L xác định chị Tr còn nợ số tiền hội trong dây hội 2.000.000đ là $2.000.000đ \times 09 \text{ lần} = 18.000.000đ$; dây hội 1.000.000đ là $1.000.000đ \times 21 \text{ lần} = 21.000.000đ$. Tổng cộng là 39.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L yêu cầu chị Tr và anh C nếu liên đới trả ngay một lần cho chị L thì chị L chỉ yêu cầu trả số tiền hội trong dây hội 1.000.000đ là 17.000.000đ và 10.740.000đ trong dây hội 2.000.000đ, đồng thời tính lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định từ khi đóng tiền hội cho đến nay.

- Bị đơn chị Võ Thị Thùy Tr đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn C trình bày:

Chị Tr thừa nhận là chủ các dây hội và chị L có tham gia 2 dây hội và đóng hội như lời trình bày của chị L. Do các hội viên đã hốt hội nhưng không đóng các phần hội còn lại nên chị đã thông báo đến các hội viên là vỡ hội do chị không có điều kiện kinh tế đóng thay. Hiện nay, hoàn cảnh kinh tế của chị cũng khó khăn nên chị không có điều kiện trả một lần, chị chỉ đồng ý trả số tiền hội gốc chị L đã đóng là 21.860.000đ (hội 1.000.000đ là 11.120.000đ, hội 2.000.000đ là 10.740.000đ).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2017/DS-ST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với chị Võ Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Văn C.

2. Buộc chị Võ Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Văn C và có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hội còn nợ là 23.860.000đ (Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người bị thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Chị Võ Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới nộp 1.192.000đ (Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 194.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số BN/2013 17065 quyển số 342 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị L được nhận lại số tiền là 781.000đ (Bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 20/12/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo yêu cầu chị Võ Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Văn C trả số tiền hội chị đã đóng 39.000.000đ trừ tiền hoa hồng của hai dây hội là 1.500.000đ. Như vậy, chị Tr, anh C còn phải trả cho chị L 37.500.000đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chị Võ Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Văn C trả số tiền hội chị đã đóng 39.000.000đ trừ tiền hoa hồng của hai dây hội là 1.500.000đ. Chị Tr, anh C trả cho chị L: 37.500.000đ. Vì chị Tr đã thu tiền hội đầy đủ của các hội viên nhưng không giao cho chị L.

+ Bị đơn chị Võ Thị Thùy Tr cũng là đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày chị Tr chỉ đồng ý trả số tiền hội gốc chị L đã nộp là 21.860.000đ (hội 1.000.000đ là 11.120.000đ, hội 2.000.000đ là 10.740.000đ).

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét số tiền hội và phân lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, chị Tr và chị L đều thừa nhận chị Tr có làm chủ hội và chị L có tham gia 02 dây hội, hội 1.000.000đ đóng được 21 lần, hội 2.000.000đ đóng được 09 lần. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa chị L và chị Tr có quan hệ chơi hội với nhau. Về số tiền hội đã đóng, chị L và chị Tr đều thống nhất xác định số tiền đóng hội từng lần đúng theo tờ tự khai ngày 13/10/2017 của chị Tr. Cụ thể, hội 1.000.000đ đã đóng 11.120.000đ, hội 2.000.000đ đã đóng 10.740.000đ. Tổng cộng: 21.860.000đ.

[2] Xét kháng cáo của chị L yêu cầu chị Tr, anh C phải trả số tiền hội 37.500.000đ với lý do chị Tr đã thu hội đầy đủ của các hội viên đã hót hội nên chị Tr, anh C phải có nghĩa vụ trả cho chị L. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà X (đại diện theo ủy quyền của chị L) không cung cấp được chứng cứ, chứng minh là chị Tr vẫn còn thu tiền hội của các hội viên đã hót hội. Đối với, chị Tr chứng minh được các hội viên đã hót hội của hai dây hội (dây hội 1 triệu và dây hội 2 triệu) do các hội viên đã hót hội nhưng không đóng các phần hội còn lại nên chị Tr đã khởi kiện một số hội viên tại Tòa án, một số hội viên đã tự thỏa thuận với nhau và số hội viên còn lại tham gia nhiều dây hội nên cản trở giữa các hội viên trong các dây hội với nhau. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị L.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc chị Tr và anh C có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền hội gốc 21.860.000đ và tính phần lãi suất theo quy định của pháp luật 2.000.000đ tổng cộng 23.860.000đ là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 10 và Điều 17 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm do chị L không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của chị. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của chị L không được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2017/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với chị Võ Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Văn C.

2. Buộc anh Nguyễn Văn C và chị Võ Thị Thùy Tr có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hội còn nợ là 23.860.000đ (Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người bị thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất bằng 50%

mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự:

- Anh Nguyễn Văn C và chị Võ Thị Thùy Tr có trách nhiệm liên đới nộp 1.192.000đ (Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 194.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số BN/2013 17065 quyển số 342 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị L được nhận lại số tiền là 781.000đ (Bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự nhưng trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000586 ngày 21/12/2017 là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị L không phải nộp thêm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND huyện N;
- Chi Cục THA DS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA, (Thg).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

